

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(Nguồn vốn Tỉnh quản lý và phân bổ)

(Kèm theo Nghị quyết số 275/2019/NQ-HĐND ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020				Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch 2016-2020				Số dự án và mức vốn giảm		Ghi chú
						Tổng số NSDP	Bao gồm			Tổng vốn NSDP	Bao gồm			Số DA giảm vốn	Số vốn giảm	
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT		NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
	Tổng số					<u>2.072.115</u>	<u>550.294</u>	<u>1.448.528</u>	<u>73.293</u>	<u>1.712.093</u>	<u>370.847</u>	<u>1.301.693</u>	<u>39.553</u>	<u>23</u>	<u>360.022</u>	
I	Chuẩn bị đầu tư					96.646	38.120	58.526		75.666	28.120	47.546		2	20.980	
1	- Chuẩn bị đầu tư ngân sách tập trung	Toàn tỉnh			38.120	38.120	38.120			28.120	28.120			1	10.000	
2	- Chuẩn bị đầu tư xố số kiến thiết	Toàn tỉnh			58.526	58.526		58.526		47.546		47.546		1	10.980	
II	Giáo dục và Đào tạo					25.200		25.200		12.200		12.200		1	13.000	
1	- Nâng cấp, mở rộng trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Đồng Tháp	BQLDA ĐTXDCT DD&CN Tỉnh	2019-2021	200/QĐ-UBND.HC ngày 12/3/2019 (CTĐT); 934/QĐ-UBND.HC ngày 03/9/2019 của UBND Tỉnh (QĐĐT)	30.630	25.200		25.200		12.200		12.200		1	13.000	
III	Giao thông					1.311.414	435.564	807.138	68.712	1.134.172	311.577	787.623	34.972	10	177.242	
1	- Nâng cấp bến khách ngang sông Phong Hòa - Ô Môn (HM: Cầu Thông Lưu và cầu Rạch Xép trên đường ĐT nối dài)	TTKĐ&B DCTGT ĐT	2013-2019	759/QĐ-UBND.HC ngày 06/8/2013; 316/QĐ-UBND.HC ngày 12/4/2019 (QĐ điều chỉnh TGTH) của UBND Tỉnh	54.357	6.500		6.500		6.078		6.078		1	422	
2	- Nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lở, xây dựng hệ thống cống dọc sông Tiền, thành phố Cao Lãnh	BQLDA ĐTXD công trình NN&PTN T	2018-2022	39/HĐND-KTNS ngày 21/3/2018 của HĐND Tỉnh; 1328/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2018 của UBND Tỉnh	391.121	150.000		150.000		111.000		111.000		1	39.000	
3	- Cầu Ba Bọng trên tuyến đường ĐT 848	Sở GTVT	2017-2018	1237/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	11.418	10.200		9.700	500	8.477		7.977	500	1	1.723	

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMBĐT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020				Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch 2016-2020				Số dự án và mức vốn giảm		Ghi chú
						Tổng số NSDP	Bao gồm			Tổng vốn NSDP	Bao gồm			Số DA giảm vốn	Số vốn giảm	
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT		NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
4	- Cầu Cà Môn thuộc tuyến đường ĐT 856	Sở GTVT	2016-2018	346/QĐ-UBND-HC ngày 29/3/2016; 273/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 (QĐ điều chỉnh TGTH) của UBND Tỉnh	26.000	26.000		22.000	4.000	23.250	350	18.900	4.000	1	2.750	
5	- Sửa chữa đường ĐT 844 đoạn từ An Long đến thị trấn Tràm Chim	Sở GTVT	2016-2018	822/QĐ-UBND-HC ngày 18/7/2016 của UBND tỉnh	70.315	63.000		63.000		59.500		59.500		1	3.500	
6	- Cầu Rạch Chùa trên tuyến đường ĐT 848	Sở GTVT	2017-2018	1154/QĐ-UBND.HC ngày 03/10/2017 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)	12.865	12.600		2.128	10.472	11.386		914	10.472	1	1.214	
7	- Đường nối tuyến dân cư bờ Đông kênh Phước Xuyên, huyện Tân Hồng (NS tỉnh hỗ trợ và thanh toán ở KBNN ĐT)	UBND H.TH	2016-2018	269/QĐ-UBND.XDCB, ngày 29/10/2015; 17/QĐ-UBND.XDCB ngày 25/01/2018 của UBND TH	3.597	3.597		3.597		1.582		1.582		1	2.015	
8	- Đường liên huyện Tân Hội Trung - Thanh Mỹ	BQLDA ĐTXDCT Giao thông Tỉnh	2019-2020	1447/QĐ-UBND-HC ngày 21/11/2018 của UBND Tỉnh	69.512	63.000		63.000		40.000		40.000		1	23.000	
9	- Đường ĐT 841 và cầu Nguyễn Tất Thành 2	BQLDA ĐTXDCT Giao thông Tỉnh	2019-2023	251/NQ-HĐND ngày 16/7/2019 của HĐND Tỉnh	242.000	102.746	49.006		53.740	20.000			20.000	1	82.746	
10	- Hệ thống giao thông kết nối hạ tầng du lịch và nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp	Sở GTVT	2017-2021	1164/QĐ-UBND.HC ngày 17/10/2016; 1259/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	1.208.245	873.771	386.558	487.213		852.899	311.227	541.672		1	20.872	

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020				Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch 2016-2020				Số dự án và mức vốn giảm		Ghi chú
						Tổng số NSDP	Bao gồm			Tổng vốn NSDP	Bao gồm			Số DA giảm vốn	Số vốn giảm	
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT		NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
V	Hạ tầng đô thị - công nghiệp					461.245	26.000	430.664	4.581	381.905	20.500	356.824	4.581	5	79.340	
1	- Đường Nguyễn Sinh Sắc đoạn từ ĐT 848 đến cầu Cái Cỏ	UBND TPSE	2018-2020	241/HĐND-KTNS ngày 27/10/2017 của HĐND Tỉnh; 1304/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh	106.674	96.000		96.000		86.000		86.000		1	10.000	
2	- Đường ĐT 852B giai đoạn 2 (đường vành đai Tây Bắc)	Sở GTVT	2018-2020	212/HĐND-KTNS ngày 20/9/2017 của HĐND Tỉnh (QĐ CTĐT)	274.694	247.500		245.500	2.000	206.600		204.600	2.000	1	40.900	
3	- Đường Lý Thường Kiệt nối dài	Sở GTVT	2018-2020	313/HĐND-KTNS ngày 30/12/2016 của HĐND Tỉnh (QĐ CTĐT)	161.626	42.960		40.960	2.000	28.521		26.521	2.000	1	14.439	
4	- Cầu Ngõ Thời Nhậm, TPCL	BQLDA ĐTXD công trình giao thông Tỉnh	2018-2020	795/QĐ-UBND-HC ngày14/7/2017 của UBND Tỉnh	54.206	48.785		48.204	581	40.284		39.703	581	1	8.501	
5	- Hạ tầng phát triển du lịch sinh thái bền vững Vườn quốc gia Tràm Chim, giai đoạn 2016-2020	VQG Tràm Chim	2017-2020	1225/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	60.000	26.000	26.000			20.500	20.500			1	5.500	
VI	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn					114.000	27.000	87.000		77.500		77.500		2	36.500	
1	- Thực hiện chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 (nay là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP)	Nhà Đầu tư	2016-2020	1142/QĐ-UBND.HC ngày 29/9/2017 của UBND Tỉnh	34.700	27.000	27.000			0	0			1	27.000	

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	QĐ chủ trương đầu tư dự án; QĐ đầu tư dự án	TMDT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020				Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch 2016-2020				Số dự án và mức vốn giảm		Ghi chú
						Tổng số NSDP	Bao gồm			Tổng vốn NSDP	Bao gồm			Số DA giảm vốn	Số vốn giảm	
							NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT		NSTT	XSKT	Tăng thu XSKT			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
2	- Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (ICRSL) + Tiểu dự án: Nâng cao khả năng thoát lũ và phát triển sinh kế bền vững thích ứng với khí hậu cho vùng Đồng Tháp Mười - các huyện phía Bắc tỉnh Đồng Tháp	Sở NN&PTN T	2016-2022	1693/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/5/2016 của Bộ NN&PTNT	664.300	87.000		87.000		77.500		77.500		1	9.500	
VII	Văn hóa - Xã hội					63.610	23.610	40.000		30.650	10.650	20.000		3	32.960	
1	- Bìa Chi bộ đầu tiên huyện Lấp Vò	Sở VH TT&D L	2017-2019	1255/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016; 499/QĐ-UBND.HC ngày 14/5/2018 của UBND Tỉnh	4.653	5.700	5.700			4.650	4.650			1	1.050	
2	- Các khu du lịch trọng điểm: Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc, Khu du lịch Xẻo Quýt	Sở VH TT&D L	2018-2020	1232/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2015 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)	19.593	17.910	17.910			6.000	6.000			1	11.910	
3	- Nhà trưng bày Xứ ủy Nam bộ và văn hóa Ốc Eo tại Khu di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp, tỉnh Đồng Tháp	BQLDA ĐTXD CT DDCN Tỉnh	2017-2021	1496/QĐ-TTg ngày 05/10/2017 của TTCP (QĐ CTĐT)	90.209	40.000		40.000		20.000		20.000		1	20.000	